

# NĂNG SUẤT CÔNG BỐ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2020: DỮ LIỆU TỪ SCOPUS

Lương Đình Hải<sup>1,+</sup>,  
Phan Thị Thanh Thảo<sup>2</sup>,  
Đình Đức Tài<sup>3</sup>,  
Phạm Hùng Hiệp<sup>4</sup>

<sup>1</sup>Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam; <sup>2</sup>Trường Đại học Vinh; <sup>3</sup>Trường Đại học Thành Đô; <sup>4</sup>Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục EdLab Asia, Hà Nội; Trường Đại học Phú Xuân  
<sup>+</sup>Tác giả liên hệ • Email: luongdinhhai@gmail.com

## Article History

Received: 13/01/2021

Accepted: 25/02/2021

Published: 20/3/2021

## Keywords

scientific productivity,  
university rankings,  
international publications,  
webometrics, Scopus.

## ABSTRACT

The quality of Vietnam's higher education has increasingly improved along with the increasing number of international publications. This study aims to outline a general picture of international university publications in Vietnam on the Scopus database. The results show that the average international published growth rate of universities is 37,85% / year, in which 2019 was a year of rapid increase. Besides, the study identified four groups of universities according to the number of international publications in the whole period. Furthermore, most of the scientific productivity rankings of Vietnamese higher education institutions do not correspond to their rankings on the Vietnamese University Rankings and Webometrics Rankings. Since then, the article recommends that universities in Vietnam not only focus on improving scientific productivity but also need to synchronously develop indicators to get high rankings in the future.

## 1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, chất lượng giáo dục đại học Việt Nam ngày càng được nâng lên. Hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục đại học cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Số lượng các nhóm nghiên cứu, số lượng công bố, đặc biệt là công bố quốc tế tăng nhanh. Top 30 đại học hàng đầu Việt Nam đã xuất bản hơn 10.000 công bố quốc tế trong 1,5 năm (từ đầu năm 2017 đến tháng 6/2018); con số này bằng tổng số xuất bản quốc tế của tất cả cơ sở giáo dục đại học toàn quốc trong giai đoạn 5 năm từ 2011 đến 2015 (Bùi Thị Hồng Dung, 2019).

Năng suất công bố của Việt Nam là vấn đề luôn được cộng đồng khoa học trong nước quan tâm. Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Tuấn (2016), công bố quốc tế của Việt Nam trên cơ sở dữ liệu Web of Science tăng trung bình 17%/năm trong giai đoạn 2001-2015. Nguyễn Minh Quân và cộng sự (2020) thống kê công bố quốc tế của Việt Nam trên cơ sở dữ liệu Web of Science trong giai đoạn 2000-2018 cho thấy tỉ lệ tăng trung bình hàng năm là gần 20%. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu này cũng chỉ ra được top 5 cơ sở giáo dục ở Việt Nam có số lượng xuất bản nhiều nhất, đứng đầu là Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST). Trên cơ sở phân tích dữ liệu Scopus trong giai đoạn 2015-2019, kết quả cho thấy tỉ lệ này là 25,5%/năm với các dạng tài liệu là bài trên các tạp chí, ki yếu hội nghị, hội thảo và sách quốc tế. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam là đơn vị có số lượng công bố quốc tế nhiều nhất. Theo thông tin trích xuất từ cơ sở dữ liệu Scopus, nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Duy Tân (DTU Research Informeta Group) đã liệt kê danh sách 50 cơ sở giáo dục đại học có công bố quốc tế nhiều nhất trong năm 2019 (Falagas et al., 2008).

Hiện nay, chưa có một nghiên cứu thống kê cơ bản về năng suất công bố của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam; bên cạnh đó, nghiên cứu đối sánh số liệu này với các bảng xếp hạng trong và ngoài nước cũng chưa có công bố. Do đó, bài báo này trả lời hai câu hỏi nghiên cứu sau: 1) *Năng suất công bố của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 như thế nào?* 2) *Mối liên hệ giữa năng suất công bố của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam với thứ hạng tương ứng ở một số bảng xếp hạng đại học như thế nào?*

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận và quy trình thực hiện bao gồm: cách thức lựa chọn danh sách các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam; lí do lựa chọn nguồn thu thập thông tin, các tiêu chí tìm kiếm số liệu trên nguồn dữ liệu; quy trình các bước thực hiện quá trình này.

### 2.1.1. Danh sách các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

Danh sách các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cần phải liệt kê trước khi tiến hành thống kê năng suất công bố của từng đơn vị. Nhằm thực hiện nội dung nghiên cứu thứ hai, bảng xếp hạng các cơ sở giáo dục thuộc Việt Nam trên danh mục của Webometrics (<http://webometrics.info/en/Asia/Vietnam>). Danh sách thu thập được gồm 177 cơ sở giáo dục, tên của từng trường đối chiếu với thông tin trang thông tin điện tử của đơn vị (thời gian thu thập thông tin vào lúc 9h ngày 08/12/2020).

### 2.1.2. Nguồn dữ liệu thu thập thông tin

Scopus là cơ sở dữ liệu duy nhất được lựa chọn. Đây là phương án tối ưu cho nhóm nghiên cứu khi so sánh với các nguồn khác như MedPub, Web of Science, Google Scholar.

### 2.1.3. Tiêu chí tìm kiếm

Thông tin từ danh sách các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam được sử dụng để tra cứu mã trường (Affiliation ID) của từng đơn vị. Cụm từ (tên trường) và từ khóa “Việt Nam” hoặc “Vietnam” được đưa vào mục tìm kiếm Affiliation ID để xác định mã trường của từng đơn vị. Danh sách kết quả tìm kiếm được lọc thủ công và đối chiếu với thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục. Sau khi xác thực thông tin, mã trường được sử dụng truy vấn dữ liệu về số lượng xuất bản phẩm. Để trả lời nội dung nghiên cứu thứ nhất, tập các điều kiện lọc dữ liệu như sau: - Thời gian xuất bản: từ 2016 đến hết ngày 30/11/2020; - Dạng tài liệu: không giới hạn tìm kiếm; - Chủ đề: không giới hạn tìm kiếm; - Ngôn ngữ: không giới hạn tìm kiếm.

Thông tin về số lượng xuất bản phẩm hàng năm của từng cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam được tổng hợp “thủ công” trên một tệp Excel. Dựa trên kết quả tìm kiếm, 24 cơ sở giáo dục đại học không có dữ liệu về công bố quốc tế; do đó, tệp Excel chỉ tổng hợp và phân tích dữ liệu của 153 trường. Số liệu được thống kê theo năm để xác định sự thay đổi về năng suất công bố tổng thể các cơ sở giáo dục ở Việt Nam.

### 2.1.4. Các bảng xếp hạng trường đại học

Để đối chiếu với thứ hạng theo năng suất công bố, nghiên cứu này lựa chọn Webometrics là do số lượng cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam được xếp hạng là lớn hơn rất nhiều so với các bảng xếp hạng khác.

### 2.1.5. Mối liên hệ giữa năng suất công bố và thứ hạng các trường đại học

Phương pháp phân tích tương quan Pearson, đánh giá mối quan hệ tuyến tính giữa hai biến (J.Benesty, 2009) được áp dụng để xác định mối liên hệ giữa năng suất công bố và thứ hạng của các trường trên hai bảng xếp hạng đại học: Webometrics và xếp hạng đại học Việt Nam (<http://xephangdaihoc.org>). Để tiến hành phân tích tương quan, thông tin các trường được rà soát để đảm bảo mỗi trường cần có đủ cả hai dữ liệu về thứ hạng năng suất công bố và thứ hạng xếp hạng đại học.

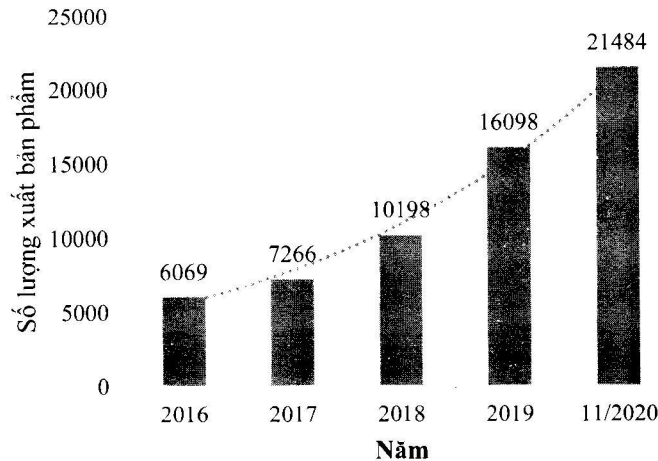
## 2.2. Kết quả thu được

### 2.2.1. Năng suất công bố khoa học của các cơ sở giáo dục ở Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020

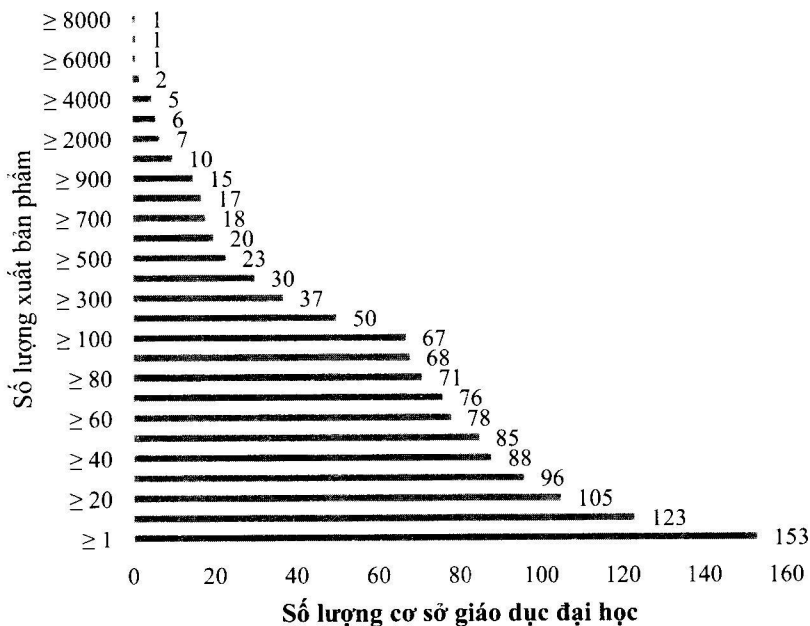
Năng suất công bố của các cơ sở giáo dục ở Việt Nam tăng nhanh trong giai đoạn 2016-2020. Tổng số tài liệu của 177 cơ sở giáo dục đã công bố là 61.115. Đối chiếu theo năm, số lượng xuất bản phẩm trong năm 2020 đã tăng hơn 3.5 lần so với số lượng xuất bản phẩm của năm 2016 (xem *biểu đồ 1*, trang bên). Tỷ lệ tăng trưởng trung bình là 37,85%/năm, mức tăng trưởng hàng năm từ 2016 đến 2020 lần lượt là 19,72%, 40,35%, 57,85%, 33,45%. Có thể thấy, năm 2019 được xem là thời điểm có số lượng công bố tăng đột biến của cả giai đoạn 5 năm.

Phần lớn cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam có xuất bản ít nhất 01 tài liệu trong cơ sở dữ liệu Scopus. *Biểu đồ 2* (trang bên) biểu diễn số lượng cơ sở giáo dục đại học theo số lượng xuất bản phẩm. Dữ liệu cho thấy có 153 trường có ít nhất 01 xuất bản phẩm (tỷ lệ 86,44%), 123 trường có/nhiều hơn 10 tài liệu (69,49%), 85 trường có/nhiều hơn 50 tài liệu (48,02%), 67 trường có/nhiều hơn 100 tài liệu (37,85%), 23 trường có/nhiều hơn 500 tài liệu (12,99%), 10 trường có/nhiều hơn 1.000 tài liệu (5,65%), 2 trường có nhiều hơn 5.000 tài liệu (1,13%). Ngoài ra, có 24 trường không có thông tin hoặc không thể xác định được số lượng tài liệu trong cơ sở dữ liệu Scopus.

Dựa theo dữ liệu của *biểu đồ 2*, có thể phân chia các trường đại học thành 4 nhóm: - Nhóm thứ nhất, chưa có công bố quốc tế, gồm 24 trường chưa ghi nhận xuất bản phẩm nào trong cơ sở dữ liệu Scopus; - Nhóm thứ hai, hiện đang quan tâm đến công bố quốc tế, gồm 116 trường có số lượng xuất bản 300 tài liệu; - Nhóm thứ ba, nhóm tăng cường công bố quốc tế, gồm 27 trường có số lượng xuất bản từ 300 đến 1.000 tài liệu; - Nhóm thứ tư, năng suất công bố cao, gồm 10 đơn vị có số lượng xuất bản bằng/nhiều hơn 1.000 tài liệu. Như vậy, có thể xác định ngưỡng 300 công bố quốc tế trong giai đoạn 5 năm để xác định một cơ sở giáo dục đại học là có năng suất công bố.



Biểu đồ 1. Số lượng xuất bản phẩm theo năm của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam (số liệu thống kê tính đến hết tháng 11/2020)



Biểu đồ 2. Thống kê số lượng cơ sở giáo dục đại học theo số lượng xuất bản phẩm (số liệu thống kê tính đến hết tháng 11/2020)

Bảng 1 liệt kê top 10 trường đại học có số lượng công bố quốc tế nhiều hơn 300 tài liệu, tổng số công bố quốc tế được sử dụng để xếp hạng các cơ sở giáo dục ở Việt Nam. Các trường trong danh sách đã xuất bản 53.058 tài liệu, chiếm tỉ lệ 86,82% tổng số công bố quốc tế. Trong danh sách, chỉ có 2 đơn vị có số lượng công bố nhiều hơn 5.000 tài liệu. Đứng đầu danh sách là Trường Đại học Tôn Đức Thắng, tổng số công bố là 8.648, chiếm tỉ lệ 14,15%. Đứng thứ hai là Trường Đại học Duy Tân, tổng số công bố là 5.113, chiếm tỉ lệ 8,37%. Theo cách phân nhóm ở trên, 10 trường thuộc nhóm có năng suất công bố cao đã xuất bản 37.618 tài liệu, tương đương 61,55% tổng số công bố quốc tế. 27 trường thuộc nhóm tăng cường công bố khoa học có 15.440 tài liệu, chiếm tỉ lệ 25,26%. Tương tự như ở biểu đồ 1, năm 2019 cũng cho thấy sự tăng đột biến công bố khoa học ở hầu hết các trường, ví dụ: tỉ lệ tăng trường năm 2019 của Trường Đại học Tôn Đức Thắng là 81,98%, Trường Đại học Duy Tân là 118,12%, hay Đại học Phenikaa là 788,88% (từ 18 công bố năm 2018 tăng đột biến 160 công bố năm 2019). So sánh mức độ tăng trường trong cả

giai đoạn 2016-2020 cho thấy Đại học Phenikaa có mức tăng trưởng nhanh nhất, từ không có công bố quốc tế trong năm 2016 cho đến 258 tài liệu vào năm 2020. Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh có mức tăng cao thứ hai, 23 lần, từ 10 tài liệu năm 2016 đến 230 tài liệu năm 2020. Ngược lại, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hầu như không có sự tăng trưởng sau 5 năm, cụ thể là 84 công bố năm 2016 và 88 công bố năm 2020. Về tổng thể, các trường trong nhóm thứ ba và nhóm thứ tư có mức tăng trưởng trung bình là 3,49 lần trong giai đoạn này.

*Bảng 1. So sánh thứ hạng năng lực khoa học với thứ hạng trên bảng xếp hạng đại học Webometrics của top 10 trường đại học ở Việt Nam*

STT	Tên trường	Thứ hạng Năng suất khoa học	Thứ hạng trên Webometrics	So sánh
1	Đại học Tôn Đức Thắng Thành phố Hồ Chí Minh	1	27	26
2	Đại học Duy Tân	2	41	39
3	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	3	4	1
4	Đại học Bách Khoa Hà Nội	4	1	-3
5	Đại học Bách khoa	5	28	23
6	Đại học Quốc gia Hà Nội	6	7	1
7	Đại học Công Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh HUTECH	7	19	12
8	Đại học Nguyễn Tất Thành	8	61	53
9	Đại học Cần Thơ	9	14	5
10	Đại học Đà Nẵng	10	3	-7

### 2.2.2. Mối liên hệ giữa năng suất công bố và thứ hạng của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ hai, bài báo so sánh thứ hạng năng lực khoa học của cơ sở giáo dục đại học với thứ hạng trên bảng xếp hạng đại học của Webometrics và Xếp hạng đại học Việt Nam. Sự chênh lệch thứ hạng của từng trường được đồ thị hóa với độ dài và màu sắc. Độ dài tỉ lệ thuận với sự chênh lệch thứ hạng. Màu đậm thể hiện thứ hạng năng lực khoa học của trường là cao hơn thứ hạng trên bảng xếp hạng các trường đại học; ngược lại, màu nhạt thể hiện năng lực khoa học của trường là thấp hơn thứ hạng trên bảng xếp hạng.

Sự chênh lệch giữa thứ hạng năng lực khoa học và thứ hạng trên bảng xếp hạng đại học của Webometrics của top 10 trường đại học ở Việt Nam được thể hiện ở *bảng 1*. Màu nhạt chiếm đa số, thể hiện thứ hạng năng suất công bố của các trường này có xu hướng tăng khi đối chiếu thứ hạng của trường trên bảng xếp hạng Webometrics. Màu đậm có xu hướng xuất hiện nhiều ở phần cuối của bảng. Có một số trường ít có thay đổi về thứ hạng, như Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Vinh. Phương pháp phân tích tương quan Pearson được áp dụng trên 153 trường đại học được xếp hạng để tìm mối liên hệ giữa năng suất công bố và thứ hạng trên bảng xếp hạng Webometrics. Kết quả cho thấy tương quan thuận và khá chặt chẽ giữa hai biến,  $r = .66$ ,  $n = 153$ ,  $p < .001$  (2-tailed). Điều đó có nghĩa là thứ hạng năng suất công bố của trường càng cao thì thứ hạng trên bảng xếp hạng của trường đó càng có xu hướng tăng.

Ngoài ra, chúng tôi đã tiến hành so sánh thứ hạng năng suất công bố với thứ hạng của trường trên Bảng xếp hạng của Việt Nam. Chúng tôi đối chiếu thông tin của 153 trường đại học được xếp hạng năng suất công bố với 49 trường đại học trong bảng xếp hạng đại học Việt Nam. Kết quả thu được danh sách 38 trường đại học có cả hai thông tin xếp hạng. *Bảng 2* (trang bên) cung cấp thông tin đối sánh của 10 trường nằm trong danh sách top các trường về năng suất công bố. Dữ liệu cho thấy sự chênh lệch giữa hai chỉ số được biểu hiện bằng màu xanh, điều đó có nghĩa là thứ hạng năng suất công bố của trường có xu hướng tăng khi đối chiếu thứ hạng của trường ở bảng xếp hạng đại học Việt Nam. Có 02 trường không có sự chênh lệch thứ hạng là Trường Đại học Cần Thơ và Đại học Huế. Phương pháp phân tích tương quan Pearson được tiến hành nhằm xác định mối liên hệ giữa thứ hạng năng suất lao động và thứ hạng của trường đại học thuộc bảng xếp hạng Việt Nam. Kết quả cho thấy mối tương quan thuận và chặt chẽ giữa hai biến,  $r = .83$ ,  $n = 38$ ,  $p < .001$  (2-tailed). Điều đó có nghĩa là thứ hạng năng suất công bố của trường càng cao thì thứ hạng trên bảng xếp hạng của trường đó càng có xu hướng tăng.

### 2.3. Một số bàn luận

Dựa trên tổng hợp và phân tích số lượng công bố quốc tế trên cơ sở dữ liệu Scopus của 153 cơ sở GD-ĐT ở Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 cho thấy một số kết luận mới. Cụ thể:

Xét trong cả giai đoạn 5 năm 2016-2020, tỉ lệ tăng trưởng công bố trung bình hằng năm là 37,85%, với số lượng công bố năm 2020 nhiều hơn 3,5 lần số lượng công bố năm 2016. Số liệu này hoàn toàn sẽ cao hơn khi dữ liệu công bố quốc tế năm 2020 được cập nhật đầy đủ vào 31/05/2021. Kết quả này do việc thực hiện quy chế đào tạo tiến sĩ

của Bộ GD-ĐT (Bộ GD-ĐT, 2017) và đẩy mạnh cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học. Tự chủ đại học gắn tăng cường sức cạnh tranh của các trường (Công Chương, 2019), tự định hướng nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học và nhu cầu tham gia các bảng xếp hạng. Hiện nay, đối với các bảng xếp hạng đại học, năng suất công bố là một chỉ số để đánh giá, dù ở các bảng xếp hạng khác nhau thì trọng số của chỉ số này là khác nhau.

*Bảng 2. So sánh thứ hạng năng suất công bố với thứ hạng trên bảng xếp hạng đại học Việt Nam*

Thứ hạng Năng suất khoa học	Tên trường	Thứ hạng Năng suất khoa học (điều chỉnh)	Xếp hạng Việt Nam (điều chỉnh)	So sánh
1	Đại học Tôn Đức Thắng Thành phố Hồ Chí Minh	1	2	1
2	Đại học Duy Tân	2	8	
4	Đại học Bách Khoa Hà Nội	3	6	
6	Đại học Quốc gia Hà Nội	4	1	-3
9	Đại học Cần Thơ	5	5	0
10	Đại học Đà Nẵng	6	4	-2
11	Đại học Huế	7	7	0
13	Đại học Y Hà Nội	8	17	
14	Đại học Sư Phạm Hà Nội	9	9	0
17	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	10	15	

Ngoài ra, khi tổng hợp số lượng công bố quốc tế của từng đơn vị, bốn nhóm trường được xác định dựa trên tổng số ấn phẩm của cả giai đoạn. Dữ liệu ghi nhận nhóm 24 trường chưa công bố quốc tế trên Scopus trong giai đoạn này. Các đơn vị này chủ yếu là các cơ sở giáo dục liên quan đến lĩnh vực nghệ thuật, như là Nhạc viện Huế, Học viện Âm nhạc Quốc gia. Lý do chính là do các sản phẩm đặc thù của đơn vị, cũng như các tạp chí nghệ thuật, đặc biệt là lĩnh vực âm nhạc, chưa hiện diện nhiều ở Scopus, ví dụ như International Journal of Music Education. Bên cạnh đó, dữ liệu xác định các ngưỡng giá trị về số lượng công bố quốc tế, 300 và 1.000, dùng để phân nhóm các cơ sở giáo dục theo năng suất công bố. Các trường đại học có hơn 300 công bố quốc tế trên Scopus trong giai đoạn 2016-2020 thuộc nhóm các trường tăng cường năng suất công bố; các trường có hơn 1.000 công bố quốc tế được xếp vào nhóm các trường có năng suất công bố cao. So với cách tiếp cận phân tầng xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học (Bộ GD-ĐT, 2015), cách phân nhóm theo số lượng công bố quốc tế này thể hiện chính xác hơn quy mô và sự nỗ lực của trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Tham chiếu số lượng cụ thể theo năm của từng trường cho thấy nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo thông qua chỉ số về công bố quốc tế. Số lượng xuất bản phẩm trong năm 2020 tăng hơn 3,5 lần so với số lượng trong năm 2016. Đặc biệt, nghiên cứu ghi nhận tỉ lệ tăng trưởng rất lớn, như là Trường Đại học Phenikaa, Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, xét về tổng thể thì có một khoảng cách lớn về số lượng công bố quốc tế của cơ sở giáo dục đứng đầu danh sách (Trường Đại học Tôn Đức Thắng) với đơn vị ở vị trí thứ hai (Trường Đại học Duy Tân) cũng như phần còn lại của danh sách. Xem xét trường hợp Trường Đại học Tôn Đức Thắng cho thấy nhà trường có chiến lược trung và dài hạn phát triển nhà trường (Đại học Tôn Đức Thắng, n.d.), đồng thời thiết lập các cơ chế hỗ trợ hoạt động nghiên cứu nói chung và công bố quốc tế nói riêng. Ví dụ: thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Tôn Đức Thắng hỗ trợ nghiên cứu với yêu cầu phải có thành viên là giảng viên, cán bộ của trường; hợp tác với PVBank trong đó có hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nhà trường; định hướng quốc tế hóa toàn diện các hoạt động nghiên cứu và đào tạo. Các cơ sở giáo dục đại học có thể tham khảo mô hình của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và có thể áp dụng phù hợp với điều kiện của mình nhằm nâng cao năng suất công bố của đơn vị.

So sánh thứ hạng năng suất công bố với thứ hạng trên bảng xếp hạng của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cho thấy tương quan thuận khá chặt chẽ giữa hai chỉ số này. Điều này có nghĩa là thứ hạng năng suất công bố cao phần lớn cho thấy trường đại học cũng có thứ hạng cao trên bảng xếp hạng. Tuy nhiên, nhiều trường hợp không cho thấy mối liên hệ này. Ví dụ: Trường Đại học Duy Tân đứng thứ 2 về năng suất công bố, nhưng đứng vị trí thứ 41 trên bảng xếp hạng của Webometrics, và hạng 8 trên bảng xếp hạng đại học Việt Nam. Ngược lại, có một số trường hợp tuy không có năng suất công bố cao nhưng vẫn có thứ hạng cao trên bảng xếp hạng; đặc biệt là Học viện Nông nghiệp Việt Nam, đứng thứ 20 về năng suất công bố nhưng lại đứng thứ 5 trên bảng xếp hạng Webometrics, và đứng thứ 3 trên bảng xếp hạng Việt Nam (có điều chỉnh). Hiện tượng này cho thấy để có thứ hạng cao trên bảng xếp hạng thì cơ sở giáo dục đại học phát triển một cách đồng đều cả các chỉ số, hoặc tập trung vào một số chỉ số phù hợp với điều kiện và định hướng của từng trường.



### 3. Kết luận

Dù chưa thu thập được tất cả số liệu công bố của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trên nhiều nguồn dữ liệu khác nhau nhưng nghiên cứu này đã mô tả cơ bản thực trạng năng suất công bố của các trường đại học nước ta trong giai đoạn 2016-2020. Công bố quốc tế hiện đang là xu thế chung của các cơ sở giáo dục đại học nước ta, gắn liền với quy định mới về đào tạo sau đại học và cơ chế tự chủ đại học; và trong bối cảnh này, giáo dục đại học đã hình thành các nhóm các trường đại học theo năng lực khoa học. Các trường có năng lực khoa học cao có xu hướng có thứ hạng cao ở trên các bảng xếp hạng đại học. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ ra rằng để có thứ hạng cao trên bảng xếp hạng đại học, ngoài năng suất công bố thì các cơ sở giáo dục hướng đến phát triển đồng đều nhiều chỉ số khác nhau phù hợp với điều kiện và định hướng của cơ sở giáo dục.

**Lời cảm ơn:** Nhóm tác giả xin cảm ơn TS. Ngô Xuân Hà, chủ tịch Trường Đại học Thành Đô - người mới qua đời cuối tháng 2/2021 vừa qua. Ông là người đã có sáng kiến thành lập Nhóm nghiên cứu Reduvation, đơn vị tài trợ một phần cho nghiên cứu này; đồng thời 2/4 tác giả của bài báo này là thành viên của nhóm nghiên cứu trên.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2015). *Nghị định Quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học*. Truy cập tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Nghi-dinh-73-2015-ND-CP-tieu-chuan-phan-tang-khung-xep-hang-tieu-chuan-xep-hang-co-so-giao-duc-dai-hoc-289316.aspx>.
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ*.
- Bùi Thị Hồng Dung (2019). *Nâng cao chất lượng giáo dục đại học*. Con số & Sự kiện. Truy cập tại <http://consosukien.vn/nang-cao-chat-luong-giao-duc-dai-hoc.htm>.
- Công Chương (2019). *Tự chủ đại học tăng sức cạnh tranh giữa các trường*. Giáo dục và Thời đại. Truy cập tại <https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/tu-chu-dai-hoc-tang-suc-can-tranh-giua-cac-truong--3820122.html>.
- DTU Research Informeta Group (2020). *Top 50 cơ sở giáo dục đại học có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam 2019*. Báo điện tử Thanh niên. Truy cập tại <https://thanhnien.vn/giao-duc/top-50-co-so-giao-duc-dh-co-cong-bo-quoc-te-tot-nhat-viet-nam-2019-1215908.html>.
- Đại học Tôn Đức Thắng (n.d). *Định hướng phát triển*. Truy cập tại <https://www.tdtu.edu.vn/gioi-thieu/dinh-huong-phat-trien>.
- G. Falagas M. E., Pitsouni E. I., Malietzis G. A., Pappas (2008). *Comparison of PubMed, Scopus, web of science, and Google scholar: strengths and weaknesses*. FASEB J., 22(2), 338-342. DOI: 10.1096/fj.07-9492LSF.
- J. Benesty, J. Chen, Y. Huang, and I. Cohen (2009). *Noise reduction in speech processing*. In *Pearson correlation coefficient*. Springer Heidenberg.
- Nguyễn Minh Quân, Nguyễn Thị Phương, Lê Ngọc Bích, Trương Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Mỹ An, Phùng Thị Hiệp, Cao Hạnh Quyên, Nghiêm Xuân Huy, Nguyễn Thời Trung, Phạm Đình Nguyên (2020). *Công bố khoa học quốc tế của Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị*. Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam. Truy cập tại <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/3793/cong-bo-khoa-hoc-quoc-te-cua-viet-nam--thuc-trang-va-mot-so-khuyen-nghi.aspx> (ngày 19/12/2020).
- Nguyễn Văn Tuấn (2016). *Năng suất công bố Việt Nam qua công bố quốc tế 2001-2005*. Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam, 10, 49-54. Truy cập tại [https://www.researchgate.net/profile/Tuan\\_Nguyen106/publication/309610129Vietnam\\_scientific\\_output\\_2001-2015\\_a\\_scientometric\\_analysis\\_in\\_Vietnamese/links/5819ab7d08ae50812f5e370e.pdf](https://www.researchgate.net/profile/Tuan_Nguyen106/publication/309610129Vietnam_scientific_output_2001-2015_a_scientometric_analysis_in_Vietnamese/links/5819ab7d08ae50812f5e370e.pdf).
- S.H (2019). *Công bố quốc tế của Việt Nam trong 5 năm qua*. Báo điện tử Dân trí. Truy cập tại <https://dantri.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/cac-cong-bo-quoc-te-cua-viet-nam-duoc-nhieu-quoc-gia-nghien-cuu-tim-hieu-tham-khao-20191215171245103.htm> (ngày 19/12/2020).
- Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2020). *Thông báo tài trợ nghiên cứu cơ bản và ứng dụng năm 2020 (đợt 1)*. Trang thông tin điện tử Đại học Tôn Đức Thắng. Truy cập tại <https://www.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2020-04/thong-bao-tai-tro-nghien-cuu-co-ban-va-ung-dung-nam-2020-dot-1>.
- Tin PVcomBank (2020). *PVcomBank ký kết hợp tác toàn diện cùng Trường Đại học Tôn Đức Thắng*. Truy cập tại <https://www.pvcombank.com.vn/tin-tuc/tin-pvcombank/pvcombank-ky-ket-hop-tac-toan-dien-cung-truong-dai-hoc-ton-duc-thang-1447.html?page=2> (ngày 21/12/2020).